

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ

Ngày: 24/7/2024

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc Kiêm
2. Bà Hoàng Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 120/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và “Quyết định hoãn phiên tòa” số 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: SN ..., LL, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn C, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

Nơi TT: SN ..., LL, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH. (Hiện đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện số ... TH)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Tú trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hương (nay là phường Đông Hương) thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/4/2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và lối sống, anh C thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, chị và gia đình đã nhiều lần góp ý động viên nhưng anh C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hoà, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị Tú và anh C có 02 con chung là Lê Văn A, sinh ngày 27/02/2006 và Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2017. Nay ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi Lê Hải Đ; Lê Văn A đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Lê Văn C: Tại “Đơn xin trình bày” đề ngày 21/4/2024 của anh Lê Văn C và “Biên bản lấy lời khai” ngày 10/5/2024 anh C khai thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, hiện tại anh đang chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc, vì vậy anh đề nghị Tòa án tạm hoãn việc ly hôn đến khi anh hết thời gian cai nghiện bắt buộc; Về con chung anh xin được trực tiếp nuôi con chung là Lê Hải Đ; Về tài sản chung anh C trình bày anh và chị T hiện có tài sản chung gồm: 200.000.000đ gửi tiết kiệm; 01 cây vàng và mấy chục triệu tiền mặt trong két sắt của vợ chồng; 01 bộ giàn Caraoke; 01 xe máy Vision BKS 36B-90446; 01 tủ lạnh 20.000.000đ; một đôi loa 16.000.000đ; 01 xe máy BKS 36 B3-69810; Cho chị N (chị vợ) vay 20.000.000đ; Chị H (chị vợ) vay 05 chỉ vàng. Anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung (nêu trên).

Chị T công nhận vợ chồng hiện có các tài sản chung gồm: 01 bộ giàn Caraoke; 01 xe máy Vision BKS 36B-90446; 01 tủ lạnh; một đôi loa; 01 xe máy BKS 36 B3-69810; Chị không xác định được giá trị tài sản nêu trên và không yêu cầu chia tài sản. Đối với số tiền 20.000.000đ cho chị N vay và 03 chỉ vàng (không phải 05 chỉ như anh C khai) cho chị H vay chị đã lấy về chi phí nuôi các con ăn học hết. Các tài sản khác như anh C kê khai chị không công nhận; Việc anh C yêu cầu chia tài sản chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hoà giải ngày 10/5/2024 tại Cơ sở cai nghiện số 1 Thanh Hoá, chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh C và xin được trực tiếp nuôi con chung Lê Hải Đ sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đề nghị Tòa án tạm ngừng việc giải quyết ly hôn đến khi anh hết thời gian cai nghiện; Về con chung anh xin được nuôi con chung là Lê Hải Đ vì chị T không có nhà ở nên không thể nuôi con; Về tài sản anh C yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia các tài sản như anh kê khai tại “Đơn xin trình bày” đề ngày 21/4/2024 đã nộp cho Tòa án.

Tại “Biên bản làm việc” ngày 10/5/2024, Tòa án đã giải thích cho anh C về quyền và nghĩa vụ của anh đối với yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật. Theo đó, trường hợp anh C có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong cùng vụ án ly hôn này thì anh C có nghĩa vụ cung cấp tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Cụ thể, anh C phải nộp tài liệu chứng cứ chứng minh các tài sản anh yêu cầu phân chia gồm những gì, trị giá bao nhiêu tiền, hiện tại ai đang quản lý; Cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản (nếu có); Đồng thời anh C có nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản; Về nợ anh C phải kê khai cụ thể: Nợ ai, họ tên địa chỉ của chủ nợ, số tiền còn nợ, giấy tờ liên quan của các khoản nợ (như: Giấy vay nợ, trả nợ, khất nợ ... nếu có). Trường hợp anh C không yêu cầu chia tài sản chung trong cùng vụ án ly hôn này thì anh có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung bằng vụ án

dân sự khác. Toà án cũng giải thích cho anh C: Trong trường hợp anh C không thể trực tiếp cung cấp được tài liệu chứng cứ và tham gia giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì anh C có quyền uỷ quyền cho người khác thay anh tham gia tố tụng để cung cấp tài liệu chứng cứ và giải quyết các vấn đề về tài sản chung, nợ chung. Toà án cũng đã ấn định thời gian phù hợp để anh C thực hiện việc cung cấp tài liệu chứng cứ hoặc uỷ quyền (như nêu trên). Song Toà án không nhận được bất cứ tài liệu chứng cứ nào của anh Lê Văn C, cũng không nhận được tài liệu về việc anh C uỷ quyền cho người khác thay anh giải quyết về tài sản chung và nợ chung tại Toà án.

Tại bản tự khai của mình, cháu Lê Hải Đ có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn

Tại “Biên bản xác minh” ngày 15/4/2024 tại phường ĐH, TP.TH xác định: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, TP.TH, tỉnh TH; Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại SN LL, phường ĐH, TP.TH; Quá trình chung sống tại địa phương anh chị phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không rõ vì anh chị không báo cáo yêu cầu địa phương hoà giải; Anh chị có hai con chung là Lê Văn A và Lê Hải Đ, các cháu đang sống cùng chị T; Về tài sản chung nợ chung của anh chị địa phương không rõ; Yêu cầu ly hôn của chị T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Ngày 24/6/2024, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 07 giờ 30 ngày 12/7/2024, quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho chị T anh C. Tại phiên tòa ngày 12/7/2024, anh C vắng mặt lần thứ nhất, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 13 giờ 30 phút ngày 24/4/2024. “QĐ hoãn phiên tòa” đã tổng đạt hợp lệ cho chị T, anh C.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn C vắng mặt lần thứ 2. Chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn chị T đồng thời đề nghị HĐXX cho chị ly hôn anh C và giao cháu Lê Hải Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Về tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của chị T, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Anh C không tuân thủ đầy đủ quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vắng mặt lần thứ 2; Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị T, anh C; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, giao cháu Lê Hải Đ là con chung của chị T anh C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về tài sản chung nợ chung: Dành quyền cho anh C khởi kiện bằng vụ án dân sự khác; Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn; Nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn C vắng mặt lần thứ hai HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/4/2013, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và lối sống dẫn đến thường xuyên bất hoà cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị T kiên quyết ly hôn. Về phía anh C cũng xác định quá trình chung sống do anh nghiện ma túy nên chị T xin ly hôn. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạm dừng việc giải quyết vụ án đến khi anh chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc của Tòa án.

HĐXX xét, đề nghị tạm ngừng giải quyết vụ án của anh C là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Quá trình chung sống anh C chị T phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng; Mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở và tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 điều 56 - Luật HN&GD chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn C có 02 con chung là Lê Văn A, sinh ngày 27/02/2006 và Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2017. Nay ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi Lê Hải Đ; Cháu Lê Văn A đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh C cũng xin được trực tiếp nuôi cháu Hải Đ sau khi ly hôn.

HĐXX xét, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T, anh C là chính đáng; Tuy nhiên hiện tại anh C đang phải chấp hành “Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” số 95 ngày 07/6/2023 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa thời gian 20 tháng. Do đó anh C không thể trực tiếp nuôi con. Việc chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con, phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật HNGD nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Về phía anh C có yêu cầu chia tài sản chung song anh C không thực hiện việc cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh dù đã được Tòa án giải thích và yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ (Đối với các tài sản chị T công nhận anh C không cung cấp giá trị tài sản để làm căn cứ thu tạm ứng án phí; Đối với các tài sản chị T không công nhận, anh C không cung cấp tài liệu chứng minh đây là tài sản chung của anh chị và hiện tại ai đang quản lý). Do đó HĐXX không có cơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh C. Vì vậy dành quyền cho anh C khởi kiện chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Lê Văn C

Về con chung: Giao Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2017 (là con chung của chị T anh C) cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Cháu Lê Văn A, sinh ngày 27/02/2006 (là con chung của chị T anh C) đã thành niên HDXX không xét.

Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung cho anh Lê Văn C bằng vụ án dân sự khác khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001226 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn C không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T, anh Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Hương, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nga